TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN HAI BÀ TRƯNG** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2019/HNGĐ-ST
Ngày 29 tháng 5 năm 2019
V/v: Hôn nhân và gia đình.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HAI BÀ TRƯNG, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán, Chủ tọa phiên tòa: **Bà L□ơng Thị Thu Hà**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Nhị Hà

2. Bà Hoàng Thị Bích Diệp

- Thư ký phiên tòa: **Bà Nguyễn Thị Lài** – Thư ký Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng;

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội *tham gia phiên tòa*: **Ông Nguyễn Văn Thuận** , Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 101/2019/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 2 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 24/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 4 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 16/2019/QĐST-HNGĐ ngày 09 tháng 5 năm 2019 giữa:

- Nguyên đơn: chị Nguyễn Thanh T, sinh năm 1988

HKTT: Số B ngõ M phố T phường Q, quận H, thành phố Hà Nội.

Hiện ở tại: Số M ngõ H, quận T, thành phố Hà Nội

Có mặt tại phiên tòa

- Bị đơn: **anh Nguyễn Đức N ,** sinh năm: 1988

HKTT và trú tại: Số B ngõ M phố T phường Q, quận H, thành phố Hà Nôi

Vắng mặt tại phiên tòa

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn chị Nguyễn Thanh T:

Tại đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 28/01/2019, bản tự khai ngày 21/02/2019 và trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thanh T trình bày:

- Về tình cảm: Chị và anh Nguyễn Đức N kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND phường Quỳnh Mai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội ngày X. Sau khi kết hôn vợ chồng ở tại số B ngõ T phường Q, quận H, thành phố Hà Nội. Quá trình sinh sống đến năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn chị và anh H không có cùng quan điểm sống, không thể hòa hợp. Do cuộc sống

không hạnh phúc nên đã sống ly thân từ năm 2014 cho đến nay. Chính vì các lẽ trên, chị đề nghị được ly hôn với anh N để ổn định cuộc sống.

- Về con chung: Chị và anh N có hai con chung là cháu Nguyễn Linh Nhi sinh ngày 08 tháng 12 năm 2007 và cháu Nguyễn Minh Dương sinh ngày 23 tháng 8 năm 2012. Hiện nay sức khỏe hai cháu bình thường, khi ly hôn chị T xin được nuôi hai cháu và không yêu cầu anh N cấp dưỡng.

- Về tài sản chung và nhà ở chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản và nhà ở chung.

- Về nợ chung: Chị và anh N không nợ ai và cũng không cho ai vay nợ, tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài những nội dung chị T không có yêu cầu tòa án giải quyết nội dung nào khác nữa.

2. Ý kiến của bị đơn là anh Nguyễn Đức N

Anh Nguyễn Đức N đã được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng (thông báo thụ lý vụ án, thông báo ý kiến của nguyên đơn, thông báo phiên họp và hòa giải, thông báo kết quả phiên họp và hòa giải, thông báo giao nộp chứng cứ; Quyết định đưa vụ án xét xử và quyết định hoãn phiên tòa) nhưng anh N không đến Tòa án để làm việc, để tham gia phiên họp, hòa giải và không nộp tài liệu chứng cứ gì cho Tòa án.

3.Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thu thập tài liệu, chứng cứ như sau:

- Tại Biên bản làm việc ngày 4 tháng 4 năm 2019, đại diện địa phương tổ B, phường Q, quận H, thành phố Hà Nội cung cấp như sau: anh Nguyễn Đức N và chị Nguyễn Thanh T sau khi kết hôn với nhau năm 2008 ở tại số B ngõ M phố T phường Q, quận H, thành phố Hà Nội cùng với bố mẹ anh N. Quá trình chung sống có phát sinh mâu thuẫn nên từ năm 2014 chị T đã về nhà bố mẹ đẻ tại T, Hà Nội còn anh N vẫn sống cùng bố mẹ tại Số B ngõ M phố T phường Q,quận H, thành phố Hà Nội nhưng anh N đi làm về giờ giấc thất thường. Anh N và chị T có 02 con chung là Nguyễn Linh Nhi sinh năm 2007 và Nguyễn Minh Dương 2012, hiện nay hai cháu sức khỏe bình thường. Về tài sản và nhà ở: anh N và chị T không có vì sau khi kết hôn về ở với bố mẹ anh N.Tổ dân phố cung cấp thông tin trên cho tòa án biết. Hiện nay chị T xin ly hôn anh N tổ dân phố đề nghị Tòa Án xem xét ý kiến của anh N chị T và gia đình để giải quyết theo quy dịnh của pháp luật vì chị T và Anh N đã ly thân từ lâu không còn tình cảm với nhau, mỗi người ở một nơi.

- Ông Nguyễn Văn H là bố của anh Nguyễn Đức N trình bày: Anh N và chị T kết hôn tự nguyện năm 2008, sau khi kết hôn anh N và chị T sống tại nhà ông ở số nhà B ngõ M phố T, phường Q. Quá trình chung sống anh N và chị T không hạnh phúc, từ năm 2014 anh N và chị T đã ly thân, chị T về nhà bố mẹ đẻ ở T sinh sống. Hiện nay anh N vẫn ở cùng với gia đình ông nhưng đi làm về giờ giấc thất thường. Ông đã giao văn bản của Tòa án cho anh N và anh N đã biết việc chị T xin ly hôn và xin nuôi hai con, nhưng anh N không đến Tòa án làm việc, anh N đồng ý ly hôn do vợ chồng đã ly thân từ lâu, anh N đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn vắng mặt để cho anh N và chị T ổn định cuộc sống. Anh N và

chị T có 02 con chung là cháu Nguyễn Linh Nhi sinh năm 2007 và cháu Nguyễn Minh Dương sinh năm 2012, đề nghị Tòa án giao con cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Tài sản chung anh N và chị T không có.

- Cháu Nguyễn Linh Nhi trình bày: Cháu là con bố Nguyễn Đức N và mẹ Nguyễn Thanh T. Trong trường hợp bố mẹ cháu ly hôn, cháu có nguyện vọng xin ở với mẹ.

4. *Tại phiên tòa:*

Chị T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và trình bày mâu thuẫn vợ chồng chị đã trầm trọng, không thể giải quyết được nữa, do tính cách không hợp nhau. Cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, chị xác định không còn tình cảm với anh Nam, sau một thời gian sống ly thân, mỗi người ở một nơi đến nay chị xác định vợ chồng chị không thể quay lại chung sống được nữa. Mục đích hôn nhân không đạt được nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh N.

Về con chung: Chị T đồng ý nuôi con chung là cháu Nguyễn Linh Nhi và Nguyễn Minh Dương. Khi ly hôn chị không yêu cầu anh N cấp dưỡng.

Về tài sản và nhà ở chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về công nợ chung: Chị T xác nhận không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hai Bà Trưng phát biểu ý kiến:

Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng thụ lý vụ án và xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, xác định đầy đủ tư cách tham gia tố tụng của các đương sự. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Quá trình thẩm vấn công khai tại phiên tòa, căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, xác định như sau: kết hôn hợp pháp. Trong quá trình chung sống, vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, không chung quan điểm sống, vợ chồng đã sống ly thân, xác định hôn nhân không có hạnh phúc. Chị T xin ly hôn anh N là có căn cứ phù hợp với Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn xin ly hôn của chị T và anh N

Về con chung: Chị T và anh N có hai con chung là cháu Nguyễn Linh Nhi sinh ngày 08 tháng 12 năm 2007 và cháu Nguyễn Minh Dương sinh ngày 23 tháng 8 năm 2012. Hiện nay sức khỏe hai cháu bình thường, khi ly hôn chị T xin được nuôi hai cháu và không yêu cầu anh N cấp dưỡng. Anh N không có ý kiến và không giao nộp tài liệu nên giao con cho chị T nuôi là có căn cứ. Đề nghị Tòa án áp dụng Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, giao 02 con chung cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung cho anh N. Về tài sản chung, nhà ở chung và vay nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Nguyên đơn chị Nguyễn Thanh T khởi kiện xin ly hôn với bị đơn là anh Nguyễn Đức N, đây là quan hệ tranh chấp về hôn nhân và gia đình, anh N sinh sống tại số B ngõ M phố T phường Q, quận H, thành phố Hà Nội. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng.

[2]. Quá trình giải quyết vụ án, anh N đã được tống đạt các Văn bản tố tụng sau: Thông báo thụ lý vụ án, giấy báo, thông báo ý kiến của nguyên đơn, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa. Việc tống đạt văn bản tố tụng là hợp lệ theo quy định tại khoản 2 Điều 177 của Bộ luật tố tụng dân sự. Nhưng anh Nam không đến Tòa tham gia phiên họp và hòa giải. Tòa án căn cứ vào Điều 227 hoãn phiên tòa và tống đã tống đạt quyết định hoãn phiên tòa cho anh N nhưng anh N vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xử vắng mặt anh N.

[3]. Về nội dung:

- Về tình cảm: Chị T và anh N kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày X tại UBND phường Quỳnh Mai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống, vợ chồng chị T và anh N chung sống với nhau không hạnh phúc, nguyên nhân mâu thuẫn do tính cách và quan điểm sống không hợp nhau, dẫn đến vợ chồng sống ly thân mỗi người ở một nơi, không ai quan tâm đến ai từ năm 2014. Anh N không đến Tòa án để hòa giải. Qua đó thể hiện mâu thuẫn của vợ chồng anh chị đã trầm trọng và không có khả năng khắc phục được, cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, tình cảm vợ chồng không còn. Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử nhận thấy yêu cầu xin ly hôn của chị T là phù hợp với các điều 51 và 56 của Luật Hôn nhân và gia đình. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T với anh N.

- Về con chung: Xác nhận vợ chồng anh chị có 02 con chung là cháu Nguyễn Linh Nhi sinh ngày 08 tháng 12 năm 2007 và cháu Nguyễn Minh Dương sinh ngày 23 tháng 8 năm 2012, sức khỏe các cháu bình thường, hiện đang sống với mẹ. Chị T đề nghị được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng hai cháu, không yêu cầu anh N cấp dưỡng. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 81,82, 83 Luật hôn nhân và gia đình giao 02 con chung cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng vì cháu Nguyễn Linh Nhi có đơn đề nghị xin được ở với mẹ, cháu Dương con nhỏ, cả hai cháu đang sinh sống cùng mẹ, để ổn định cuộc sống, học tập của các cháu. Anh N đã nhận được ý kiến của chị T về con chung nhưng không đưa ra ý kiến và tài liệu gì. Chị T không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con chung. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung của anh N cho đến

khi có sự thay đổi khác. Anh N có quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

- Về tài sản chung, nhà ở chung và vay nợ chung: Chị T và anh N không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về án: Chị T là nguyên đơn xin ly hôn phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật về án phí, lệ phí Tòa án.

- Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 220; Điều 227; Điều 228; Điều 266; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Các điều 51, 56, 58, 59, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

- Điều 24; khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thanh T với anh Nguyễn Đức N. Chị T được ly hôn anh N.

2. Về con chung: Xác nhận chị T và anh N có 02 con chung là cháu Nguyễn Linh Nhi sinh ngày 08 tháng 12 năm 2007 và cháu Nguyễn Minh Dương sinh ngày 23 tháng 8 năm 2012, giao 02 con chung cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con chung trưởng thành (đủ 18 tuổi) hoặc đến khi có sự thay đổi khác về quyền nuôi con.

Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung của anh N cho đến khi có sự thay đổi khác

Anh Nguyễn Đức N có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nhà ở chung và công nợ chung: Chị T và anh N không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thanh T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0002107 ngày 19/02/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Hai Bà Trưng. Chị Thủy đã thi hành xong.

Án xử công khai sơ thẩm, đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại

phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND quận Hai Bà Trưng;
- Chi cục THADS quận Hai Bà Trưng;
- UBND P. Quỳnh Mai (Số 93 quyển 01/2008 ngày 09/9/2008);
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lương Thị Thu Hà